Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 02.10.2026 14:11:34 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:23 /2026/VBHN-TT-BKHCN

Hà Nội, ngày30 tháng 09 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2

Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần bởi:

1. Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020;

2. Quyết định số 3138/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đính chính Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

3. Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024;

4. Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024;

5. Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31

tháng 12 năm 2025;

6. Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026;

7. Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với pháp luật về đầu tư kinh doanh, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026;

8. Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đo lường, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP *ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2[1].

---

[1] Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.".

Quyết định số 3138/QĐ-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,".

Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.".

Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.".

Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.".

Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (sau đây gọi tắt là phương tiện đo) bao gồm: Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo; phê duyệt mẫu; kiểm định phương tiện đo.

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.".

Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với pháp luật về đầu tư kinh doanh.".

Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 84/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 36/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đo lường.".

2. Thông tư này không áp dụng đối với phương tiện đo bức xạ, hạt nhân, phương tiện đo là hàng hóa được ưu đãi, miễn trừ thủ tục hải quan, hàng hóa tạm nhập-tái xuất, hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, hàng hoá gửi kho ngoại quan, hàng hóa phục vụ các yêu cầu khẩn cấp, hàng hóa phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng phương tiện đo.

2. Tổ chức kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo được chỉ định.

3. Cơ quan nhà nước về đo lường, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ[2]

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Yêu cầu kỹ thuật đo lường* là tập hợp đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (ký hiệu là ĐLVN);

2. *Phương tiện* đo là phương tiện kỹ thuật, bao gồm: thiết bị, dụng cụ đo; thiết bị, dụng cụ có chức năng đo; hệ thống đo để thực hiện phép đo;

3. *Phương tiện đo nhóm 2* là phương tiện đo được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác được kiểm soát theo yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam;

4. *Phê duyệt mẫu* là biện pháp kiểm soát về đo lường do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia[3] thực hiện để đánh giá, xác nhận mẫu phương tiện đo hoặc mẫu của loại (type) phương tiện đo (sau đây viết chung là mẫu) phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường;

5. *Kiểm định* là biện pháp kiểm soát về đo lường do tổ chức kiểm định phương tiện đo được chỉ định thực hiện để đánh giá, xác nhận đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo bảo đảm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường;

6. *Cơ sở sản xuất phương tiện đo* là tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc các hoạt động chuyển giao công nghệ, chế tạo, lắp ráp, cải tiến, cải tạo phương tiện đo đã được sản xuất hoặc nhập khẩu;

7. *Cơ sở nhập khẩu phương tiện đo* là tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu phương tiện đo nguyên chiếc;

8. *Cơ sở kinh doanh phương tiện đo* là tổ chức, cá nhân bán buôn, bán lẻ,

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

[3] Cụm từ "Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia" theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

đại lý mua bán phương tiện đo tại Việt Nam;

9. Các từ ngữ khác được hiểu theo quy định tại Điều 3 Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011.

Chương II

DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN ĐO, BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT VỀ ĐO LƯỜNG VÀ CHU KỲ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO

Điều 4. Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo[4]

Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo bao gồm:

1.[5] Các phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo quy định trong bảng sau đây:

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	Phương tiện đo độ dài: - Thước cuộn - Phương tiện đo khoảng cách quang điện - Phương tiện đo độ sâu đáy nước - Phương tiện đo độ sâu công trình ngầm	 - - - -	 x x x x	 - x x x	 - x x x	 - 12 tháng 12 tháng 24 tháng
2	Taximet	x	x	x	x	18 tháng
3	Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông	x	x	x	x	24 tháng
4	Phương tiện đo thủy chuẩn	-	x	x	x	12 tháng
5	Toàn đạc điện tử	-	x	x	x	12 tháng
6	Cân phân tích	-	x	x	x	12 tháng
7	Cân kỹ thuật	-	x	x	x	12 tháng
8	Cân thông dụng: - Cân đồng hồ lò xo	x x	x x	x x	x x	24 tháng 12 tháng

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
	- Cân bàn; cân đĩa; cân treo dọc thép-lá đề					
9	Cân treo móc cẩu	x	x	x	x	12 tháng
10	Cân ô tô	x	x	x	x	12 tháng
11	Cân ô tô chuyên dùng kiểm tra tải trọng xe cơ giới	x	x	x	x	24 tháng
12	Cân tàu hỏa tĩnh	x	x	x	x	12 tháng
13	Cân tàu hỏa động	x	x	x	x	24 tháng
14	Cân băng tải	x	x	x	x	12 tháng
15	Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới	x	x	x	x	12 tháng
16	Quả cân: - Quả cân cấp chính xác E_2 - Quả cân cấp chính xác đến F_1	 - -	 x x	 x x	 x x	 24 tháng 12 tháng
17	Phương tiện thử độ bền kéo nén	-	x	x	x	12 tháng
18	Phương tiện đo mô men lực	-	x	x	x	12 tháng
19	Cột đo xăng dầu	x	x	x	x	12 tháng
20	Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng	x	x	x	x	12 tháng
21	Đồng hồ đo nước: - Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí - Đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử	 x x	 x x	 x x	 x x	 60 tháng 36 tháng
22	Đồng hồ đo xăng dầu	x	x	x	x	12 tháng
23	Đồng hồ đo khí: - Đồng hồ đo khí dầu mỏ hóa lỏng - Đồng hồ đo khí công nghiệp - Đồng hồ đo khí dân dụng: + $Q_{max} < 16$ m^3/h + $Q_{max} \geq 16$ m^3/h	 x x x x x	 x x x x x	 x x x x x	 x x x x x	 12 tháng 36 tháng 60 tháng 36 tháng
24	Phương tiện đo dung tích thông dụng	-	x	x	x	24 tháng
25	Pipet	-	x	x	x	24 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
26	Bể đong cố định	-	x	x	x	60 tháng
27	Xi téc: - Xi téc ô tô - Xi téc đường sắt	 - -	 x x	 x x	 x x	 12 tháng 60 tháng
28	Phương tiện đo mức xăng dầu tự động	x	x	x	x	12 tháng
29	Phương tiện đo vận tốc dòng chảy của nước	-	x	x	x	24 tháng
30	Phương tiện đo vận tốc gió	-	x	x	x	24 tháng
31	Áp kế: áp kế lò xo; áp kế điện tử; baromet	-	x	x	x	12 tháng
32	Huyết áp kế gồm: huyết áp kế thủy ngân; huyết áp kế lò xo; huyết áp kế điện tử	-	x	x	x	12 tháng
33	Nhiệt kế: nhiệt kế thủy tinh-chất lỏng; nhiệt kế thủy tinh-rượu có cơ cấu cực tiểu; nhiệt kế thủy tinh-thủy ngân có cơ cấu cực đại	-	x	x	-	24 tháng
34	Nhiệt kế y học: - Nhiệt kế y học thủy tinh-thuỷ ngân có cơ cấu cực đại - Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại - Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại	 - - -	 x x x	 - x x	 - - x	 - 06 tháng 12 tháng
35	Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản	-	x	x	x	12 tháng
36	Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí	-	x	x	x	24 tháng
37	Tỷ trọng kế	-	x	x	x	24 tháng
38	Phương tiện đo hàm lượng bụi: - Phương tiện đo hàm lượng bụi trong khí thải	-	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
	- Phương tiện đo hàm lượng bụi trong không khí	-	x	x	x	12 tháng
39	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	x	x	x	x	12 tháng
40	Phương tiện đo nồng độ các khí: - Phương tiện đo nồng độ các khí trong khí thải - Phương tiện đo nồng độ các khí trong không khí	 - -	 x x	 x x	 x x	 12 tháng 12 tháng
41	Phương tiện đo các thông số của nước: - Phương tiện đo các thông số của nước trong nước mặt - Phương tiện đo các thông số của nước trong nước thải	 - -	 x x	 x x	 x x	 12 tháng 12 tháng
42	Phương tiện đo độ ẩm muối	-	x	x	x	12 tháng
43	Công tơ điện:					
	- Công tơ điện xoay chiều 1 pha kiểu cảm ứng	x	x	x	x	60 tháng
	- Công tơ điện xoay chiều 1 pha kiểu điện tử	x	x	x	x	72 tháng
	- Công tơ điện xoay chiều 3 pha kiểu cảm ứng	x	x	x	x	48 tháng
	- Công tơ điện xoay chiều 3 pha kiểu điện tử	x	x	x	x	36 tháng
44	Biến dòng đo lường	x	x	x	x	60 tháng
45	Biến áp đo lường	x	x	x	x	60 tháng
46	Phương tiện đo điện trở cách điện	-	x	x	x	12 tháng
47	Phương tiện đo điện trở tiếp đất	-	x	x	x	12 tháng
48	Phương tiện đo điện trở kíp mìn	-	x	x	x	6 tháng
49	Phương tiện đo cường độ điện trường	-	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
50	Phương tiện đo điện tim	-	x	x	x	24 tháng
51	Phương tiện đo điện não	-	x	x	x	24 tháng
52	Phương tiện đo độ ồn	-	x	x	x	12 tháng
53	Phương tiện đo rung động	-	x	x	x	12 tháng
54	Phương tiện đo độ rọi	-	x	x	x	12 tháng
55	Phương tiện đo độ chói	-	x	x	x	12 tháng
56	Phương tiện đo năng lượng tử ngoại	-	x	x	x	12 tháng
57	Phương tiện đo quang phổ: - Phương tiện đo quang phổ hấp thụ nguyên tử - Phương tiện đo quang phổ tử ngoại - khả kiến	- -	x x	x x	x x	12 tháng 12 tháng
58	Phương tiện đo công suất laser	-	x	x	x	12 tháng
59	Phương tiện đo tiêu cự kính mắt	-	x	x	x	12 tháng
60	Phương tiện đo độ khúc xạ mắt	-	x	x	x	12 tháng
61	Thấu kính đo thị lực	-	x	x	x	12 tháng
62	Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol)	-	x	x	x	12 tháng
63	Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix)	-	x	x	x	12 tháng
64	Phương tiện đo lượng mưa	-	x	x	x	24 tháng
65	Phương tiện đo mực nước	-	x	x	x	24 tháng
66	Phương tiện đo tự động liên tục các thông số khí tượng thủy văn	-	x	x	x	24 tháng
67	Phương tiện đo kinh vĩ	-	x	x	x	12 tháng
68	Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh	-	x	x	x	12 tháng
69	Thiết bị đo điện năng sạc					

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
	pin xe điện: - Thiết bị đo điện năng xoay chiều sạc pin xe đạp điện, xe máy điện	x	x	x	x	60 tháng
	- Thiết bị đo điện năng xoay chiều sạc pin xe ô tô điện	x	x	x	x	36 tháng
	- Thiết bị đo điện năng một chiều sạc pin xe ô tô điện	x	x	x	x	36 tháng

- Ký hiệu "x": biện pháp phải được thực hiện đối với phương tiện đo;

- Ký hiệu "-": biện pháp không phải thực hiện đối với phương tiện đo;

- Trong toàn bộ thời gian quy định của chu kỳ kiểm định, đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng.

2. Các phương tiện đo không được quy định tại khoản 1 Điều này nhưng có quy định phải được kiểm định, hiệu chuẩn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, văn bản quy phạm pháp luật khác hoặc khi sử dụng cho mục đích thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp, hoạt động công vụ khác của cơ quan nhà nước phải được kiểm định hoặc hiệu chuẩn khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu nhưng không phải phê duyệt mẫu.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo

Hằng năm, theo đề xuất của các bộ, cơ quan ngang bộ và yêu cầu quản lý nhà nước về đo lường, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia[6] (sau đây gọi tắt là Ủy ban[7]) tổng hợp, trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo và chu kỳ kiểm định phương tiện đo quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

---

[6] Cụm từ "Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[7] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Chương III
PHÊ DUYỆT MẪU

Mục 1
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC PHÊ DUYỆT MẪU

Điều 6. Yêu cầu đối với việc phê duyệt mẫu

1. Việc phê duyệt mẫu bao gồm: đăng ký phê duyệt mẫu; thử nghiệm, đánh giá mẫu; quyết định phê duyệt mẫu.

2. Thử nghiệm mẫu phải do tổ chức thử nghiệm thuộc Danh mục các tổ chức thử nghiệm được Ủy ban[8] chỉ định thực hiện.

Danh mục các tổ chức thử nghiệm được chỉ định được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban[9].

3. Mẫu phải có cấu trúc, tính năng kỹ thuật bảo đảm ngăn ngừa tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính trong quá trình sử dụng; phải được thử nghiệm, đánh giá và kết luận là phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định.

4. Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo được phê duyệt mẫu phải có biện pháp bảo đảm phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu phù hợp với mẫu đã phê duyệt.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu[10]

Cơ sở nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu gửi đến Ủy ban thông qua một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

1. Trường hợp đăng ký phê duyệt mẫu hoặc điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, hồ sơ bao gồm:

a) Bản đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo theo Mẫu 1. ĐKPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bộ tài liệu kỹ thuật của mẫu. Tài liệu phải nêu rõ: nguyên lý hoạt động, sơ đồ nguyên lý cấu trúc, hướng dẫn sử dụng; các kết cấu quan trọng ảnh hưởng tới đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí các cơ cấu đặt và điều chỉnh thông số kỹ thuật đo lường chính của mẫu; vị trí để dán tem, đóng dấu kiểm định, niêm phong và các đặc điểm khác nếu có trên mẫu; vị trí cơ cấu hoặc tính năng kỹ thuật thực hiện ngăn ngừa tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường

---

[8] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[9] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

chính của mẫu trong sử dụng (tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả 02 thứ tiếng);

c) Bộ ảnh màu của mẫu gồm: 01 ảnh tổng thể của mẫu; các ảnh mặt trước (mặt thể hiện kết quả đo), mặt sau, mặt trên, mặt dưới (nếu có), bên phải, bên trái của mẫu; các ảnh chụp riêng thể hiện thông tin về ký mã hiệu, kiểu và đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu; bảng mạch điện tử (nếu có), các phím vận hành; vị trí nhãn hàng hóa của mẫu, vị trí dán tem, dấu kiểm định; các vị trí niêm phong trên mẫu; các bộ phận khác có ảnh hưởng trực tiếp tới các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu. Các ảnh được cung cấp dưới dạng tệp ảnh điện tử hoặc bản in màu trên giấy khổ A4. Ảnh chụp phải rõ ràng, chính xác thông tin về đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu và bảo đảm yêu cầu so sánh, đối chiếu, kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu so với mẫu đã phê duyệt;

d) Bộ hồ sơ kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

Trường hợp cơ sở có đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu trong đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo, bộ hồ sơ gồm các tài liệu liên quan đến việc miễn, giảm thử nghiệm theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này (bản sao).

2. Trường hợp điều chỉnh thời hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu đã cấp theo điểm h khoản 2 Điều 13 của Thông tư này, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu đã cấp:

a) Trường hợp điều chỉnh tên cơ sở của quyết định phê duyệt mẫu đã cấp, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp điều chỉnh tên của hãng sản xuất theo điểm c khoản 2 Điều 13 của Thông tư này và không liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở của hãng sản xuất tại nước sản xuất, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này và các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh (bản sao).

Điều 8. Xử lý hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu[11]

1. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ căn cứ miễn, giảm thử nghiệm:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư này), Ủy ban thông báo bằng văn bản cho cơ sở về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này), Ủy ban thông báo bằng văn bản cho cơ sở về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn

[11] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

thiện hoặc việc cơ sở phải thử nghiệm mẫu (đối với trường hợp hồ sơ có đề nghị miễn, giảm thử nghiệm mẫu nhưng không đủ căn cứ được miễn, giảm theo Điều 10 của Thông tư này).

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản thông báo của Ủy ban, nếu cơ sở chưa hoàn thiện hồ sơ, cơ sở phải có văn bản gửi Ủy ban nêu rõ lý do và thời hạn hoàn thành nhưng không vượt quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện. Việc xử lý hồ sơ chỉ được tiếp tục thực hiện sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Nếu cơ sở không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Ủy ban kết thúc việc giải quyết hồ sơ.

3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư này), Ủy ban ra quyết định phê duyệt mẫu theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này), Ủy ban ra quyết định phê duyệt mẫu theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này.

Điều 9. Thử nghiệm mẫu

1. Việc thử nghiệm mẫu do cơ sở đăng ký phê duyệt mẫu lựa chọn, thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức thử nghiệm phương tiện đo được chỉ định.

2. Số lượng mẫu thử nghiệm và trình tự, thủ tục thử nghiệm mẫu thực hiện theo quy trình thử nghiệm tương ứng do Ủy ban[12] ban hành.

3. Trường hợp mẫu chưa có quy trình thử nghiệm, Ủy ban[13] chỉ định tổ chức thử nghiệm xây dựng, trình Ủy ban[14] phê duyệt quy trình thử nghiệm tạm thời và tiến hành thử nghiệm mẫu.

Căn cứ để xây dựng quy trình thử nghiệm tạm thời là khuyến nghị của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế (OIML), tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC), tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO), tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn cơ sở (TCCS), tiêu chuẩn của nước ngoài, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến mẫu.

Điều 10. Miễn, giảm thử nghiệm mẫu

1. Miễn thử nghiệm mẫu áp dụng cho một trong các trường hợp sau:

a) Phương tiện đo nhập khẩu có giấy chứng nhận phù hợp của tổ chức đo

---

[12] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[13] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[14] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

lường quốc tế hoặc có giấy chứng nhận phê duyệt mẫu của cơ quan đo lường có thẩm quyền của nước ngoài và được sự thừa nhận của Ủy ban[15] đối với kết quả thử nghiệm mẫu phương tiện đo đó;

b) Phương tiện đo sản xuất hoặc nhập khẩu theo mẫu đã phê duyệt cho cơ sở khác và được cơ sở đó cho phép bằng văn bản;

c) Phương tiện đo nhập khẩu trong thiết bị, dây chuyền thiết bị đồng bộ theo dự án đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Giảm thử nghiệm mẫu được xem xét, áp dụng cho một trong các trường hợp sau:

a) Phương tiện đo được cải tạo, cải tiến từ mẫu đã được phê duyệt cho cơ sở đăng ký phê duyệt mẫu nhưng làm thay đổi một hoặc một số đặc tính kỹ thuật đo lường chính so với mẫu đã được phê duyệt;

b) Phương tiện đo cùng loại với mẫu đã được phê duyệt cho cơ sở đăng ký phê duyệt mẫu.

Ủy ban[16] xem xét, quyết định việc giảm và mức độ giảm thử nghiệm mẫu.

Điều 11. Đánh giá mẫu

1. Việc đánh giá mẫu đã thử nghiệm do tổ chức thử nghiệm mẫu đó thực hiện.

Trường hợp mẫu được miễn thử nghiệm, Ủy ban[17] chỉ định một tổ chức thực hiện việc đánh giá mẫu.

2. Nội dung đánh giá mẫu:

a) Sự phù hợp kết quả thử nghiệm mẫu so với yêu cầu kỹ thuật đo lường tương ứng;

b) Sự phù hợp của cấu trúc, tính năng kỹ thuật của mẫu so với yêu cầu bảo đảm ngăn ngừa tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu theo mẫu đã được phê duyệt trong quá trình sử dụng;

c) Sự phù hợp của các ảnh của mẫu so với yêu cầu bảo đảm so sánh, đối chiếu, kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu so với mẫu đã được phê duyệt;

d) Sự phù hợp của các biện pháp quản lý, kỹ thuật do cơ sở xây dựng và áp dụng với yêu cầu quy định tại Khoản 4 Điều 6 của Thông tư này.

3. Phương pháp đánh giá:

---

[15] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[16] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[17] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

a) Xem xét hồ sơ đăng ký, các tài liệu có liên quan;

b) Trao đổi với chuyên gia kỹ thuật về những thông tin có liên quan;

c) Kiểm tra thực tế tại cơ sở (đối với trường hợp đã thực hiện phương pháp đánh giá quy định tại các điểm a và b Khoản 3 Điều này nhưng không đủ căn cứ để kết luận).

Điều 12. Hồ sơ kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu

Kết thúc việc thử nghiệm, đánh giá mẫu, tổ chức thực hiện thử nghiệm, đánh giá mẫu lập một (01) bộ hồ sơ trình Ủy ban[18]. Hồ sơ gồm:

1. Báo cáo tổng hợp kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu phương tiện đo theo Mẫu 3. BCPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận thử nghiệm, biên bản kết quả thử nghiệm theo mẫu quy định tại quy trình thử nghiệm tương ứng (đối với mẫu phải thử nghiệm theo quy định).

Điều 13. Quyết định phê duyệt mẫu

1. Căn cứ hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu và hồ sơ kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu hợp lệ, Ủy ban[19] xem xét, quyết định phê duyệt mẫu cho cơ sở.

Trường hợp hồ sơ của cơ sở không đạt yêu cầu, Ủy ban[20] có văn bản từ chối phê duyệt mẫu và nêu rõ lý do.

2.[21] Quyết định phê duyệt mẫu theo Mẫu 6. QĐPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên của cơ sở;

b) Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số thuế) của cơ sở;

c) Tên hãng sản xuất (đối với mẫu nhập khẩu);

d) Tên nước sản xuất (đối với mẫu nhập khẩu);

đ) Kiểu, ký hiệu của mẫu;

e) Đặc tính kỹ thuật đo lường chính của mẫu;

g) Ký hiệu phê duyệt mẫu;

h) Thời hạn hiệu lực.

3.[22] Thời hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu:

---

[18] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[19] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[20] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

a) Thời hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu được ban hành trong trường hợp đăng ký phê duyệt mẫu hoặc điều chỉnh thời hạn hiệu lực theo khoản 2 Điều 7 của Thông tư này là 10 năm kể từ ngày ban hành;

b) Trường hợp ban hành quyết định phê duyệt mẫu mới để điều chỉnh nội dung theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3 Điều 7 của Thông tư này và thay thế quyết định phê duyệt mẫu đang có hiệu lực, quyết định mới có hiệu lực kể từ ngày ban hành đến hết thời hạn hiệu lực của quyết định bị thay thế.

4. Ký hiệu phê duyệt mẫu được quy định trong Mẫu 4. KHPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quyết định phê duyệt mẫu được gửi cho cơ sở, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương nơi cơ sở đăng ký trụ sở chính.

6. Quyết định và hình ảnh của mẫu đã phê duyệt được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban[23].

Điều 14. Lưu giữ hồ sơ của mẫu đã được phê duyệt

1. Bộ hồ sơ của mẫu đã được phê duyệt gồm: Quyết định phê duyệt mẫu, hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu quy định tại Điều 7 và hồ sơ kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Một (01) bộ hồ sơ được lưu giữ tại Ủy ban[24]. Cơ sở chịu trách nhiệm lập một (01) bộ hồ sơ của mẫu đã được phê duyệt và lưu giữ tại cơ sở.

3.[25] Thời hạn lưu giữ là 05 năm sau khi quyết định phê duyệt mẫu hết hiệu lực.

Mục 2
[26] ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ CỦA QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT MẪU

Điều 15.[27] (*được bãi bỏ*)

Điều 16.[28] (*được bãi bỏ*)

Điều 17. Đình chỉ hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu

1. Đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định phê duyệt mẫu áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở không hoàn thành trách nhiệm theo quy định tại Điều 23 của Thông tư này gây hậu quả nghiêm trọng;

---

[23] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[24] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

[26] Cụm từ "GIA HẠN HIỆU LỰC, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG," được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

[27] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

[28] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

b) Cơ sở có văn bản đề nghị đình chỉ hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Ủy ban[29] xem xét, ban hành quyết định đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định phê duyệt (gọi tắt là quyết định đình chỉ). Thời hạn đình chỉ không được quá sáu (06) tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của quyết định đình chỉ.

3. Quyết định đình chỉ được gửi cho cơ sở, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương nơi cơ sở đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban[30].

4. Trong thời hạn đình chỉ quy định tại Khoản 2 Điều này, sau khi hoàn thành việc khắc phục hậu quả do không thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này, cơ sở bị đình chỉ có quyền lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ và gửi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở của Ủy ban[31]. Bộ hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị hủy bỏ quyết định đình chỉ;

b) Các tài liệu, hồ sơ chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả.

5. Tùy từng trường hợp cụ thể, Ủy ban[32] quyết định kiểm tra trên hồ sơ hoặc kiểm tra tại cơ sở về nội dung đã khắc phục hậu quả.

6. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Ủy ban[33] thông báo cho cơ sở những nội dung cần bổ sung, sửa đổi.

7. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban[34] ban hành quyết định bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ (gọi tắt là quyết định bãi bỏ hiệu lực).

8. Lưu giữ quyết định và hồ sơ đình chỉ, hồ sơ đề nghị bãi bỏ hiệu lực thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

Điều 18. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu

1. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở có mẫu phê duyệt bị phá sản, giải thể hoặc vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

---

[29] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[30] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[31] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[32] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[33] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[34] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

b) Cơ sở có quyết định đình chỉ đã quá thời hạn đình chỉ nhưng không hoàn thành việc khắc phục hậu quả;

c) Cơ sở có văn bản đề nghị không tiếp tục sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo theo mẫu đã được phê duyệt.

2. Ủy ban[35] ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu (gọi tắt là quyết định hủy bỏ).

3. Quyết định hủy bỏ được gửi cho cơ sở, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương nơi cơ sở đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban[36].

Chương IV
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO

Mục 1
YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI KIỂM ĐỊNH

Điều 19. Các chế độ kiểm định

1. Kiểm định ban đầu là việc kiểm định lần đầu tiên đối với phương tiện đo trước khi đưa vào sử dụng.

2. Kiểm định định kỳ là việc kiểm định theo chu kỳ quy định tại Điều 4 của Thông tư này đối với phương tiện đo trong quá trình sử dụng.

Kiểm định đối chứng là hình thức kiểm định định kỳ được thực hiện theo yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương IV của Thông tư này.

3. Kiểm định sau sửa chữa là việc kiểm định đối với phương tiện đo thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Phương tiện đo được sửa chữa do không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định;

b) Chứng chỉ kiểm định (dấu kiểm định, tem kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định) của phương tiện đo bị mất, bị hỏng hoặc hư hại khác nhưng cấu trúc và các đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo không bị thay đổi so với mẫu đã được phê duyệt;

c) Theo kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền;

d) Người sử dụng phương tiện đo phát hiện dấu hiệu có khả năng phương tiện đo không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định và đề nghị kiểm định lại.

Điều 20. Yêu cầu đối với thực hiện kiểm định

1. Việc kiểm định do cơ sở có phương tiện đo cần kiểm định lựa chọn, thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức kiểm định được chỉ định có phạm vi kiểm định

---

[35] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[36] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

phù hợp thuộc Danh mục các tổ chức kiểm định được chỉ định.

Danh mục các tổ chức kiểm định được chỉ định được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban[37].

2. Việc kiểm định do kiểm định viên đo lường của tổ chức kiểm định được chỉ định thực hiện. Kiểm định viên đo lường phải được chứng nhận và cấp thẻ theo quy định.

3. Việc kiểm định được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại quy trình kiểm định phương tiện đo tương ứng do Ủy ban[38] ban hành.

4. Trường hợp phương tiện đo chưa có quy trình kiểm định, Ủy ban[39] chỉ định một tổ chức kiểm định xây dựng, trình Ủy ban[40] phê duyệt quy trình kiểm định tạm thời và tiến hành kiểm định.

Căn cứ để xây dựng quy trình kiểm định tạm thời là khuyến nghị của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế (OIML), tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC), tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO), tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn cơ sở (TCCS), tiêu chuẩn của nước ngoài, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến mẫu.

5. Chứng chỉ kiểm định được làm theo mẫu thống nhất trong toàn quốc.

6. Chứng chỉ kiểm định phải được in ấn, chế tạo, phát hành, quản lý và sử dụng theo đúng quy định. Chứng chỉ kiểm định cấp cho phương tiện đo được kiểm định đạt yêu cầu có giá trị trên phạm vi toàn quốc.

7. Thời hạn có giá trị của chứng chỉ kiểm định sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Chu kỳ kiểm định đã hết;

b) Đã có sự thay đổi hoặc cải tiến làm thay đổi đặc trưng kỹ thuật đo lường của phương tiện đo;

c) Phương tiện đo đã hỏng hoặc không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định;

d) Các chứng chỉ kiểm định bị mất, bị hỏng hoặc hư hại khác.

Mục 2
YÊU CẦU ĐỐI VỚI KIỂM ĐỊNH ĐỐI CHỨNG

Điều 21. Phương tiện đo phải được kiểm định đối chứng

---

[37] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[38] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[39] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[40] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

1. Phương tiện đo phải được kiểm định đối chứng bao gồm:

a) Công tơ điện;

b) Đồng hồ nước lạnh.

2. Theo yêu cầu quản lý nhà nước từng giai đoạn, Ủy ban[41] kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung phương tiện đo phải được kiểm định đối chứng tại Khoản 1 Điều này.

Điều 22. Yêu cầu đối với kiểm định đối chứng

1. Tổ chức được giao thực hiện kiểm định đối chứng (gọi tắt là tổ chức kiểm định đối chứng) phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Tổ chức kiểm định đối chứng phải thuộc Danh mục các tổ chức kiểm định được Ủy ban[42] chỉ định quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Thông tư này;

b) Về số lượng: không ít hơn hai (02) tổ chức cho một (01) loại phương tiện đo phải được kiểm định đối chứng trên địa bàn một (01) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Số lượng phương tiện đo được kiểm định tại từng tổ chức kiểm định đối chứng được xác định trên tổng số phương tiện đo phải được kiểm định đối chứng trong một (01) năm trên địa bàn một (01) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và yêu cầu quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương đó.

3. Việc xác định và thông báo cụ thể số lượng và tên các tổ chức kiểm định đối chứng, số lượng phương tiện đo phải được kiểm định đối chứng tại từng tổ chức kiểm định đối chứng trên địa bàn địa phương do Ủy ban[43] thực hiện sau khi tham khảo ý kiến của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương đó.

4. Kiểm định đối chứng được thực hiện theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 ,5, 6 và 7 Điều 20 của Thông tư này.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo

1. Thực hiện quy định về phê duyệt mẫu phương tiện đo tại Chương II và Chương III của Thông tư này khi sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo.

---

[41] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[42] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[43] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

2. Sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo theo mẫu đã được phê duyệt.

3. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, phòng chống sự can thiệp làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo trong quá trình sử dụng.

4. Thực hiện việc kiểm định ban đầu đối với phương tiện đo theo quy định tại Chương IV của Thông tư này.

5. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý lập báo cáo hoạt động tình hình sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo gửi về Ủy ban[44].

Điều 24. Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh phương tiện đo

1. Kinh doanh phương tiện đo đã được phê duyệt mẫu theo quy định.

2. Thông tin cho khách hàng về các đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo.

3. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ sở sử dụng phương tiện đo[45]

1. Bảo đảm các điều kiện bảo quản, sử dụng phương tiện đo theo quy định của nhà sản xuất, yêu cầu kỹ thuật đo lường của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền; duy trì đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo trong suốt quá trình sử dụng và giữa hai kỳ kiểm định.

2. Thực hiện việc kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với phương tiện đo trong quá trình sử dụng theo quy định tại Chương IV Thông tư này.

3. Tuân thủ yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp đối với người sử dụng phương tiện đo khi thực hiện phép đo theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền.

4. Bảo đảm điều kiện theo quy định để người có quyền và nghĩa vụ liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện phép đo, phương pháp đo, phương tiện đo, lượng hàng hóa.

---

[44] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[45] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

5. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo được chỉ định

1. Thực hiện việc kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo theo quy định tại Thông tư này.

2. Thực hiện yêu cầu kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo của khách hàng trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Thực hiện việc chế tạo và quản lý sử dụng chứng chỉ kiểm định, thử nghiệm theo quy định.

4. Quản lý hoạt động kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo của kiểm định viên đo lường, nhân viên thử nghiệm.

5. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý nhà nước, lập báo cáo hoạt động kiểm định, thử nghiệm gửi về Ủy ban[46] và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương nơi tổ chức kiểm định, thử nghiệm đăng ký trụ sở chính.

Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia[47]

1. Ban hành văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam về yêu cầu kỹ thuật đo lường, quy trình kiểm định, quy trình thử nghiệm phương tiện đo.

2. Phê duyệt mẫu phương tiện đo.

3. Chỉ định tổ chức kiểm định phương tiện đo, tổ chức thử nghiệm phương tiện đo theo quy định.

4. Định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 6 hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý nhà nước, thông báo bằng văn bản tới Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan về số lượng phương tiện đo phải được kiểm định đối chứng và tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định đối chứng trên địa bàn địa phương.

5. Thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với việc thực hiện

---

[46] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[47] Cụm từ "Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Thông tư này.

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu, giúp việc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn[48]

1. Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo Thanh tra cơ quan tham mưu, giúp việc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật về đo lường trên địa bàn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Trách nhiệm của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[49]

1. Thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các quy định của Thông tư này.

2. Thanh tra, xử lý vi phạm hành chính về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo trên địa bàn trong phạm vi trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường.

4. Định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 5 hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý nhà nước, lập báo cáo tình hình thực hiện kiểm định đối chứng, đề xuất về số lượng phương tiện đo phải được kiểm định đối chứng, tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định đối chứng trên địa bàn địa phương và gửi về Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia[50] và cơ quan tham mưu, giúp việc Uỷ ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[51]

---

[48] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020; được đính chính theo quy định tại Điều 1 của Quyết định số 3138/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 10 năm 2019.

[49] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

[50] Cụm từ "Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia" theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[51] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020

quy định như sau:

*"**Điều 2. Điều khoản thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này./.".

Cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN nêu trên được thay thế bởi cụm từ "Chủ tịch Uỷ ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia" theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Điều 2 của Quyết định số 3138/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định như sau:

*"**Điều 2.** Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan trong Bộ chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến Quyết định này./."*.

Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024 quy định như sau:

*"**Điều 2. Điều khoản thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này./.".

Cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN nêu trên được thay thế bởi cụm từ "Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia" theo quy định tại Điều 73 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Điều 78, Điều 79 và Điều 80 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024 quy định như sau:

*"**Điều 78. Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Điều 79. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung công việc đã giao cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện tại các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định từ Điều 1 đến Điều 77 của Thông tư này, thì được chuyển giao cho Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia để tiếp tục thực hiện.

Điều 80. Điều khoản thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.".

Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định như sau:

*"**Điều 20. Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Các hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

***Điều 22.** Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.".*

Điều 6 của Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

2. Quy định tại Điều 2 Thông tư này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi các văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.".

Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 5. Quy định chuyển tiếp***

1. Tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận, chuyên gia đánh giá, cơ sở đào tạo đã được Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá, đào tạo và thẻ chuyên gia trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được thực hiện hoạt động tư vấn, đánh giá, đào tạo cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia.

2. Cơ sở đào tạo chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện hoạt động đào tạo theo phạm vi, thời hạn ghi trong Thông báo tiếp nhận.

3. Các quyết định phê duyệt mẫu đã được gia hạn theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN được điều chỉnh nội dung theo khoản 2 Điều 2 Thông tư này theo đề nghị của cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ hợp lệ trước ngày Thông tư có hiệu lực thì được lựa chọn tiếp tục xử lý theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc chuyển sang thực hiện theo cơ chế công bố năng lực mới; cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm hướng dẫn, kế thừa thông tin, tài liệu đã nộp, không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại các thành phần hồ sơ đã có, nhằm bảo đảm thuận lợi, tránh phát sinh chi phí tuân thủ không cần thiết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.".

Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 20. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu***

1. Tổ chức, cá nhân không phải nộp lại thông tin, giấy tờ, tài liệu còn giá trị sử dụng đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố, kết nối, chia sẻ.

2. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác, thống nhất, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông báo một lần, đầy đủ để tổ chức, cá nhân bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng; không lấy lý do này để xác định hồ sơ không hợp lệ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các văn bản, giấy tờ đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng cho đến khi hết hiệu lực hoặc được điều chỉnh, thay thế, hủy bỏ theo quy định. Trường hợp cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo thay đổi địa chỉ trụ sở chính so với địa chỉ ghi trên quyết định phê duyệt mẫu, quyết định phê duyệt mẫu đã cấp tiếp tục có hiệu lực và cơ sở không phải đăng ký điều chỉnh thông tin về địa chỉ trụ sở chính trên quyết định phê duyệt mẫu.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2013.

2. Bãi bỏ hiệu lực của các văn bản sau đây:

a) Quyết định số 1073/QĐ-BKHCNMT ngày 17/5/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) về việc ban hành Quy trình kiểm định phương tiện đo;

b) Quyết định số 65/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 19/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) quy định về việc ban hành "Danh mục phương tiện đo phải kiểm định và việc đăng ký kiểm định";

c) Quyết định số 22/2006/QĐ-BKHCN ngày 10/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc phê duyệt mẫu phương tiện đo;

d) Quyết định số 13/2007/QĐ-BKHCN ngày 06/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Danh mục phương tiện đo phải kiểm định";

đ) Quyết định số 25/2007/QĐ-BKHCN ngày 05/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc áp dụng Quy trình và chu kỳ kiểm định đối với các phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo phải kiểm định;

e) Quyết định số 11/2008/QĐ-BKHCN ngày 29/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung "Danh mục phương tiện đo phải kiểm định" ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BKHCN ngày 6/7/2007;

g) Thông tư số 14/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ

---

2. Đối với đơn, hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết xong, thì cơ quan, người có thẩm quyền đó tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận đơn, hồ sơ đó.

3. Hồ sơ phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực liên quan đến các quy định, biểu mẫu bị bãi bỏ, thay thế theo Thông tư này được lưu giữ theo quy định của Thông tư số 03/2025/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Khoa học và Công nghệ.

4. Quyết định phê duyệt mẫu đã được gia hạn hiệu lực hoặc đã được điều chỉnh nội dung, thời hạn hiệu lực trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được điều chỉnh nội dung, thời hạn hiệu lực theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung tại các Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này, theo đề nghị của cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 5 Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với pháp luật về đầu tư kinh doanh kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) để xem xét, hướng dẫn./.".

Khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN nêu trên được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2006/QĐ-BKHCN ngày 10/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc phê duyệt mẫu phương tiện đo.

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

1. Phương tiện đo đã được sử dụng trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này nhưng chưa được phê duyệt mẫu theo quy định, cơ sở sử dụng phương tiện đo lập hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 7[52] của Thông tư này và gửi về Ủy ban[53].

Căn cứ số lượng, chủng loại phương tiện đo được đề nghị phê duyệt, Ủy ban[54] xem xét, quyết định kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra, đánh giá thực tế tại nơi sử dụng để quyết định phê duyệt mẫu cho cơ sở. Chi phí đánh giá thực tế do cơ sở bảo đảm.

2. Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo có chứng chỉ phê duyệt mẫu còn hiệu lực theo Quyết định số 22/2006/QĐ-BKHCN ngày 10 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được tiếp tục sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo phù hợp với mẫu đã phê duyệt và theo các quy định tại Thông tư này cho đến thời điểm hết hiệu lực của chứng chỉ phê duyệt mẫu đã cấp cho cơ sở.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia[55] hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

---

[52] Cụm từ "các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 7" được thay thế bởi cụm từ "các điểm a, b, c khoản 1 Điều 7" theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

[53] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[54] Cụm từ "Tổng cục" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

[55] Cụm từ "Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia" theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Phụ lục
CÁC MẪU BIỂU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo
Mẫu 1. ĐKPDM[56]

2. Bản cam kết về phần mềm của phương tiện đo
Mẫu 2. CKPM[57] ***(được bãi bỏ)***

3. Báo cáo tổng hợp kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu phương tiện đo
Mẫu 3. BCPDM[58]

4. Ký hiệu phê duyệt mẫu
Mẫu 4. KHPDM
23/2013/TT-BKHCN

5. Đề nghị gia hạn quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo
Mẫu 5. ĐNGHPDM[59] ***(được bãi bỏ)***

6. Quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo
Mẫu 6. QĐPDM[60]

[56] Mẫu 1. ĐKPDM được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

[57] Mẫu 2. CKPM được bãi bỏ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

[58] Mẫu 3. BCPDM được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

[59] Mẫu 5. ĐNGHPDM được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

[60] Mẫu 6. QĐPDM được bổ sung vào Phụ lục theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Mẫu 1. ĐKPDM[61]

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày……tháng….năm 20...*

ĐĂNG KÝ PHÊ DUYỆT MẪU PHƯƠNG TIỆN ĐO

Kính gửi: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

Tên cơ sở:……..…..(1)

Địa chỉ trụ sở chính:……(1)

Điện thoại:……(1) Email:…….

Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số thuế):……

Đề nghị Ủy ban phê duyệt mẫu để (*sản xuất hoặc nhập khẩu*) (2) phương tiện đo như sau:

Tên phương tiện đo:…….(3)

Đặc tính kỹ thuật đo lường chính: *(ghi rõ tên hãng sản xuất, tên nước sản xuất, kiểu, ký hiệu, phạm vi đo, cấp chính xác/độ chính xác/sai số cho phép lớn nhất và các đặc tính kỹ thuật đo lường quan trọng khác): ……*

Đề nghị điều chỉnh nội dung/điều chỉnh thời hạn hiệu lực của Quyết định phê duyệt mẫu số: … ngày … tháng … năm …… (4).

Nội dung đề nghị điều chỉnh nội dung của Quyết định phê duyệt mẫu đã cấp:……(4)

Đề nghị được miễn/giảm thử nghiệm mẫu theo:…….(5)

Lý do đề nghị miễn/giảm thử nghiệm mẫu: …… (5)

Tài liệu liên quan kèm theo:..... (6)

Cơ sở cam kết các thông tin khai báo trên là đúng sự thật và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật với nội dung khai báo trên./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:...	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ** (*ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

[61] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Ghi chú:

(1) Ghi rõ theo thông tin trên đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế hoặc quyết định thành lập.

(2) Ghi rõ sản xuất hoặc nhập khẩu.

(3) Ghi rõ thông tin của mẫu gồm số lượng và tên phương tiện đo theo Danh mục phương tiện đo nhóm 2 do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

(4) Chỉ khai đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh thời hạn hoặc điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu; ghi rõ số, ngày của Quyết định phê duyệt mẫu đã cấp và từng nội dung (ghi rõ nội dung hiện hành theo Quyết định được cấp và nội dung đề nghị điều chỉnh) kèm theo lý do tương ứng.

(5) Chỉ khai đối với trường hợp đề nghị được miễn hoặc giảm thử nghiệm mẫu theo quy định tại điểm, khoản của Điều 10 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN.

(6) Ghi tên hồ sơ, tài liệu nộp kèm (ví dụ: hồ sơ liên quan đến đề nghị miễn hoặc giảm thử nghiệm mẫu; bản sao tờ khai hải quan đối với trường hợp nhập khẩu; bản sao tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu đã cấp theo quy định...).

Mẫu 2. CKPM[62] ***(được bãi bỏ)***

[62] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Mẫu 3. BCPDM[63]

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM, ĐÁNH GIÁ MẪU PHƯƠNG TIỆN ĐO(1)

Kính gửi: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

Theo đề nghị của….....(2), từ ngày.....đến ngày…….....(3) , ... (4) đã thử nghiệm, đánh giá(1) để phê duyệt mẫu.....(5) đối với mẫu phương tiện đo sau đây: ...(6)

Căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu và đánh giá mẫu(1), ... (4) báo cáo Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia về mẫu như sau:

Mẫu có các đặc tính kỹ thuật đo lường chính sau đây: ..... (7)

1. Đánh giá mẫu

a) Mẫu phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại quy trình thử nghiệm ..... (8):

☐ Đạt. ☐ Không đạt.

b) Mẫu có cấu trúc, tính năng kỹ thuật bảo đảm ngăn ngừa tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính trong quá trình sử dụng:

☐ Đạt. ☐ Không đạt.

c) Bộ hình ảnh của mẫu bảo đảm yêu cầu so sánh, đối chiếu, kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo được ..... (5) so với mẫu:

☐ Đạt. ☐ Không đạt.

d) Biện pháp quản lý, kỹ thuật do cơ sở xây dựng và áp dụng so với yêu cầu bảo đảm phương tiện đo được cơ sở ..... (5) phù hợp với mẫu đã được phê duyệt:

☐ Đạt. ☐ Không đạt.

2. Kết luận, kiến nghị

..... (4) đã kiểm tra, đánh giá mẫu theo phương pháp quy định tại ..... (9)

..... (4) kiến nghị Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, ...(10) mẫu./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .... (2);
- Lưu:…

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

[63] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Ghi chú:

(1) Trường hợp chỉ thực hiện đánh giá mẫu thì bỏ cụm từ "thử nghiệm". Kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu có thể bổ sung thêm thông tin liên quan nếu cần thiết.

(2) Ghi tên cơ sở đề nghị, mã số doanh nghiệp theo đăng ký kinh doanh (hoặc mã số thuế nếu không có mã số doanh nghiệp).

(3) Ghi thời gian thử nghiệm và đánh giá mẫu phương tiện đo.

(4) Ghi tên tổ chức đánh giá.

(5) Ghi rõ sản xuất hoặc nhập khẩu.

(6) Ghi thông tin của mẫu bao gồm số lượng mẫu, tên phương tiện đo; kiểu, ký hiệu; hãng sản xuất và nước sản xuất (đối với mẫu nhập khẩu).

(7) Ghi rõ phạm vi đo, cấp chính xác/độ chính xác/sai số cho phép lớn nhất và các đặc tính kỹ thuật đo lường chính khác của mẫu.

(8) Ghi tên và ký hiệu Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (ĐLVN) liên quan. Trường hợp Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam là quy trình tạm thời thì ghi đầy đủ tên quy trình và quyết định ban hành kèm theo.

(9) Ghi rõ điểm, khoản cụ thể của Điều 11 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN quy định phương pháp đánh giá mẫu (ví dụ: điểm a, b khoản 3 Điều 11).

(10) Ghi rõ phê duyệt hoặc không phê duyệt.

Mẫu 4. KHPDM
23/2013/TT-BKHCN

KÝ HIỆU PHÊ DUYỆT MẪU

1. Ký hiệu phê duyệt mẫu phải được đặt ở vị trí bảo đảm dễ nhìn thấy, dễ đọc, không bị hư hỏng trong quá trình sử dụng, vận chuyển, bảo quản phương tiện đo.

2. Ký hiệu phê duyệt mẫu gồm ba nhóm chữ và số:

a) Nhóm thứ nhất gồm ba chữ PDM;

b) Nhóm thứ hai là số thứ tự mẫu được phê duyệt trong năm;

c) Nhóm thứ ba gồm bốn con số chỉ năm phê duyệt.

Giữa nhóm thứ nhất và nhóm thứ hai là một ô cách. Giữa nhóm thứ hai và nhóm thứ 3 là dấu gạch ngang.

Ví dụ: **PDM 001-2014**

3. Ký hiệu phê duyệt mẫu phải rõ ràng, chiều cao chữ và số không nhỏ hơn hai (2) mm./.

Mẫu 5. ĐNGHPDM[64] ***(được bãi bỏ)***

[64] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

Mẫu 6. QĐPDM[65]

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt mẫu phương tiện đo

CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Căn cứ ……[(1)]*;*

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt……[(2)] mẫu ……[(3)], ……[(4)], do ……[(5)] (sản xuất hoặc nhập khẩu)[(6)] với đặc tính kỹ thuật đo lường chính .....[(7)].

Điều 2. Phương tiện đo (sản xuất hoặc nhập khẩu)[(6)] theo mẫu nêu tại Điều 1 phải mang ký hiệu phê duyệt mẫu ……[(8)].

Điều 3. ……[(5)] chịu trách nhiệm:

1. (Sản xuất hoặc nhập khẩu)[(6)] phương tiện đo phù hợp với mẫu đã được phê duyệt; thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, phòng chống sự can thiệp làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo trong quá trình sử dụng.

2. Thực hiện việc kiểm định ban đầu đối với phương tiện đo theo quy định.

Điều 4. Định kỳ hằng năm, trước ngày 31 tháng 3, ……[(5)] có trách nhiệm báo cáo hoạt động (sản xuất hoặc nhập khẩu)[(6)] phương tiện đo gửi về Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực ……[(9)] .

Điều 6. ……[(10)] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- …;
- Lưu: VT, ĐL.

CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

[65] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 45/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Phụ lục

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-TĐC ngày ... tháng ... năm 20... của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)

Đặc tính kỹ thuật đo lường chính của ……[2] mẫu ……[3]:

Tên chỉ tiêu[7]	Giá trị
…	…
…	…

Ghi chú:

[1] Căn cứ ban hành Quyết định, gồm các văn bản quy phạm pháp luật (ví dụ: Luật Đo lường; Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN…); văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Báo cáo kết quả thử nghiệm, đánh giá mẫu của tổ chức thử nghiệm hoặc các căn cứ cần thiết khác. Mỗi căn cứ trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng; cuối mỗi căn cứ có dấu chấm phẩy (;), căn cứ cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.).

[2] Ghi rõ số lượng mẫu được phê duyệt (ví dụ: 01).

[3] Ghi tên phương tiện đo, kiểu, ký hiệu của mẫu phương tiện đo.

[4] Ghi tên hãng sản xuất, nước sản xuất (áp dụng đối với mẫu nhập khẩu).

[5] Ghi tên cơ sở và mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế (nếu không có mã số doanh nghiệp) của cơ sở.

[6] Ghi rõ sản xuất hoặc nhập khẩu.

[7] Đặc tính kỹ thuật đo lường chính (ví dụ: *cấp chính xác, giá trị độ chia...*) ghi cho từng mẫu phương tiện đo. Đặc tính kỹ thuật đo lường chính có thể trình bày trong nội dung Quyết định hoặc trong Phụ lục kèm theo Quyết định.

[8] Ghi ký hiệu phê duyệt mẫu theo Mẫu 4. KHPDM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN, ký hiệu phê duyệt mẫu có thể trình bày trong nội dung Quyết định hoặc trong Phụ lục kèm theo Quyết định.

[9] Ghi thời hạn hiệu lực của Quyết định là 10 năm kể từ ngày ban hành đối với trường hợp đăng ký phê duyệt mẫu hoặc điều chỉnh thời hạn của quyết định phê duyệt mẫu đã cấp; trường hợp điều chỉnh nội dung của Quyết định phê duyệt mẫu thì ghi: Quyết định này có hiệu lực đến hết …(ghi cụ thể ngày tháng năm theo ngày hết hiệu lực quyết định đã cấp)… và thay thế…(ghi rõ thông tin của Quyết định đã cấp gồm ký hiệu, ngày tháng năm...)..

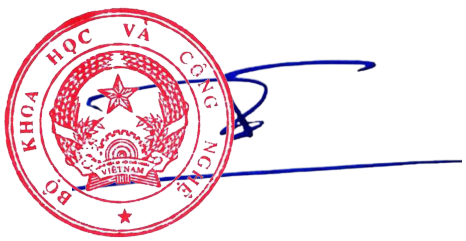
[10] Ghi chức danh người đứng đầu các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2026

BỘ TRƯỞNG



Vũ Hải Quân

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cổng TTĐT của Bộ KH&CN (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐC.